

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản từ
hợp đồng dân sự góp vốn đầu tư trồng mía

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt.

2. Bà Võ Cẩm Tú.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thế Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2016/TLST-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp vốn đầu tư trồng mía” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS ngày 22/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-DS, ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Ng, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp An Hưng, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1961 (xin vắng mặt)

Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1977 (con rể bà Nh, vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị L(Liêm), sinh năm 1987 (vợ ông Ph, vắng mặt).

Bà Lê Thị T, sinh năm 1974 (vợ ông Ng, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2016 và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh Ng trình bày:

Ngày 16/8/2012 ông Nguyễn Minh Ng và ông Trần Văn Ph có ký kết hợp đồng đầu tư lên liếp trồng mía. Ông Ng là người đầu tư và ông Ph là người nhận đầu tư. Theo nội dung hợp đồng thì ông Ng là người bỏ tiền ra để đầu tư cho ông Ph lên liếp và trồng giống mía R16. Đến khi thu hoạch thì ông Ph phải bán mía lại cho ông Ng với giá là 500 đồng một kg. Số tiền ông Ph bán mía cho ông Ng sẽ được trừ vào tiền ông Ng đã bỏ ra để đầu tư cho ông Ph, số mía còn lại ông Ph sẽ bán cho ông Ng theo giá thị trường. Sau khi ký hợp đồng ông Ng đầu tư cho ông Ph chi phí trồng mía với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Sau đó ông Ng có đưa cho ông Ph mượn thêm số tiền 30.000.000 đồng để mua hom mía và phân, thuốc trồng mía. Nhưng đến khi thu hoạch mía ông Ph chỉ bán cho ông Ng được số lượng mía tương đương với số tiền 18.388.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 131.612.000 đồng. Do ông Ph không chịu trả cho ông Ng số tiền còn thiếu là 131.612.000 đồng, nên ông Ng đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Ngày 08/11/2013 Ban lãnh đạo ấp An Hưng gồm có ông Nguyễn Văn Tỏi là Trưởng ấp cùng với ông Lâm Văn Lắm là Công an ấp, ông Trương Văn Buôn đại diện cho Tổ 5 có đến nhà bà Trần Thị Nhân (mẹ vợ ông Ph) để hòa giải. Tại buổi làm việc có mặt ông Trần Văn Ph và bà Trần Thị Nhân. Sau khi thỏa thuận ông Ph có ký giấy nhận nợ và cam kết trả lại cho ông Ng tổng số tiền gốc và lãi là 140.327.000 đồng và sẽ trả thành 04 lần, có sự chứng kiến và bảo lãnh của bà Trần Thị Nhân. Nhưng sau đó ông Ph và bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Ng theo giấy nhận nợ ngày 08/11/2013.

Nay ông Ng yêu cầu ông Trần Văn Ph, bà Đỗ Thị L và mẹ vợ là bà Trần Thị Nhân có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Minh Ng số tiền giao mía còn thiếu là 131.612.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2023 của Tòa án, đồng bị đơn bà Trần Thị Nhân trình bày:

Ông Trần Văn Ph là con rể của bà Nh, trước đây ông Ph có làm ăn với ông Ng nhưng cụ thể thế nào bà Nh không rõ. Bà Nh thừa nhận có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 08/11/2013 nhưng đây không phải là số nợ bà Nh thiếu ông Ng. Mà đây là số nợ của ông Ph thiếu ông Ng. Lý do bà Nh ký tên vào giấy nhận nợ là do ông Ph thiếu tiền ông Ng nên chính quyền địa phương có đến nhà bà Nh để lập biên bản về việc ông Ph thiếu nợ ông Ng, khi đó có mặt ông Ph. Sau khi làm giấy nhận nợ xong thì bà Nh có ký tên chứng kiến việc ông Ph thiếu tiền ông Ng chứ không phải bảo lãnh nợ cho ông Ph. Hiện tại vợ chồng ông Trần Văn Ph và bà Đỗ Thị L (con

bà Nh) đã đi làm ăn xa, không có ở địa phương. Bà Nh không rõ địa chỉ của vợ chồng ông Ph, bà L đang ở đâu, làm gì. Ông Ph thiếu tiền ông Ng thì ông Ph có trách nhiệm trả, bà Nh không có liên quan. Bà Nh không có yêu cầu gì trong vụ án này nên xin được vắng mặt trong tất cả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có).

Đồng bị đơn ông Trần Văn Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị L (vợ ông Ph) được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T (vợ ông Ng): Thống nhất theo lời trình bày của ông Ng tại phiên tòa, không có ý kiến gì thêm.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện; Tờ Hợp đồng đầu tư lên liếp trồng mía ngày 16/8/2012 (bản gốc); Giấy nhận nợ ngày 08/11/2013; Đơn yêu cầu của ông Ng ngày 18/02/2014 (bản gốc); Bản tự khai của ông Nguyễn Minh Ng

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh cung cấp: Bản tự khai; Tờ tường trình của bà Nguyễn Thị Nh.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ông Trương Văn Buôl, ông Lâm Văn Tuấn, ông Nguyễn Văn Tỏi ngày 27/10/2016, Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Nh ngày 08/9/2023.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn Ph và vợ là bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Ng Minh Nghĩa số tiền gốc là 131.612.000 đồng. Không buộc bà Nh chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Ng vì đây là số nợ của ông Ph thiếu ông Ng trong quá trình hợp tác làm ăn, bà Nh không có làm giấy bảo lãnh cam kết trả nợ cho ông Ng, nên không có cơ sở để buộc bà Nh phải chịu trách nhiệm liên đới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày là không có yêu cầu gì trong vụ án này nên xin được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử.

Đồng bị đơn là ông Trần Văn Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị L(vợ ông Ph) được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ph cũng không có yêu cầu phản tố, bà Lcũng không có yêu cầu độc lập. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh Ng với bị đơn ông Trần Văn Ph, bà Nguyễn Thị Nh là tranh chấp kiện đòi tài sản từ hợp đồng dân sự đầu tư trồng mía. Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh Ng cho rằng ông Nguyễn Minh Ng và ông Trần Văn Ph có ký hợp đồng đầu tư trồng mía. Theo thỏa thuận ông Ng bỏ tiền ra để đầu tư cho ông Ph trồng mía với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Đến khi thu hoạch ông Ph phải bán mía cho ông Ng với giá 500 đồng/kg để trừ vào số tiền ông Ng đã đầu tư, số mía còn lại ông Ph bán cho ông Ng theo giá thị trường. Nhưng sau đó ông Ph bán mía cho ông Ng không đủ số lượng theo thỏa thuận ban đầu còn thiếu lại số lượng mía tương ứng với số tiền 131.612.000 đồng. Ngày 08/11/2013 ông Ph ký giấy thừa nhận còn thiếu ông Ng số tiền gốc và lãi là 140.327.000 đồng và cam kết trả số tiền này thành 04 lần, có sự chứng kiến và bảo lãnh của mẹ vợ ông Ph là bà Trần Thị Nhàn nhưng sau đó ông Ph và bà Nh không trả lại số tiền này cho ông Ng. Nay ông Ng yêu cầu ông Ph và bà Nh phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Ng số tiền gốc còn thiếu là 131.612.000 đồng, không yêu cầu về lãi suất.

3. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Theo “**Tờ hợp đồng đầu tư lên liếp trồng mía**” ngày 16/8/2012 được ký giữa ông Nguyễn Minh Ng và ông Trần Văn Ph (bút lục số 08) có nội dung thỏa thuận như sau:

“Bên A. Ông Nguyễn Minh Ng là người chủ đầu tư về vốn, phương tiện xe cước để lên liếp trồng mía. Thiết kế về quy cách lên liếp trồng mía toàn bộ do bên B quyết định. Sau khi hoàn thành công trình tính tiền trên tổng giá trị công trình bên A có trách nhiệm trả toàn bộ tổng vốn đầu tư lên liếp không tính lãi.

Phương thức thanh toán và quy định như sau:

Bên B. Sau khi tiến hành trồng mía (quy định trồng mía R 16) đến khi thu hoạch bên B phải trả cho bên A giá trị bằng mía R 16 với giá cố định là 500 đồng

kg (năm trăm đồng một kg), giá này tính trên tổng vốn đầu tư của bên A, số còn lại bên B bán cho bên A theo giá thị trường.

Bên B. Ông Trần Văn Ph có trách nhiệm trồng mía R 16 đến khi thu hoạch phải trả cho bên A bằng mía R 16 trên tổng số tiền bên A đã đầu tư cho bên B.

Giao kèo: Bên A đã trả đủ số tiền mặt cho bên B là 76 triệu đồng (bảy mươi sáu triệu đồng) và quy ra số lượng mía mà bên A thiếu nợ bên A là 152 tấn (một trăm năm mươi hai tấn).

Bên B: Đến mùa thu hoạch mía đầu tiên phải trả bằng số mía mà bên B đã nhận nợ với bên A”.

Phía sau hợp đồng có ghi thêm nội dung ông Trần Văn Ph có nhận thêm số tiền là 44.000.000 đồng vào ngày 17/8/2012. Tổng số tiền bằng 120.000.000 đồng (Hợp đồng đầu tư được Ban lãnh đạo ấp là ông Nguyễn Văn Tỏi ký và UBND xã An Minh Bắc đóng dấu xác nhận).

Ngoài ra, tại “**Tờ giấy nợ**” ngày 08/11/2013 (bút lục 06) được làm tại nhà của bà Trần Thị Nhân (mẹ vợ ông Ph) có sự chứng kiến của bà Trần Thị Nhân, ông Nguyễn Văn Tỏi là trưởng ấp, ông Lâm Văn Tuấn là Công an ấp và ông Trương Văn Buôn đại diện tổ 5 thì ông Ph cũng thừa nhận còn nợ ông Ng các khoản tiền đầu tư trồng mía tổng cộng là 140.327.000 đồng và cam kết trả số nợ trên thành 04 lần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2023 (bút lục 64) bà Trần Thị Nhân thừa nhận “**Tờ giấy nợ**” được lập tại nhà của bà Nh và bà Nh có ký tên chứng kiến vào giấy nhận nợ, mục đích ký tên là chứng kiến việc ông Ph thiếu nợ ông Ng chứ không phải bảo lãnh nợ cho ông Ph.

Căn cứ theo Tờ hợp đồng đầu tư lên liếp trồng mía ngày 16/8/2012 giữa ông Nguyễn Minh Ng và ông Trần Văn Ph (có xác nhận của Ban lãnh đạo ấp An Hưng và UBND xã An Minh Bắc) và Tờ giấy nợ ngày 08/11/2013 được lập tại nhà của bà Trần Thị Nhân (có sự chứng kiến, ký tên của bà Trần Thị Nhân và Ban lãnh đạo ấp An Hưng) có căn cứ để xác định việc ông Ng khai có đầu tư tiền cho ông Ph trồng mía để bán lại cho ông Ng, nhưng sau đó ông Ph không bán đủ số lượng mía cho ông Ng và còn nợ lại số tiền 131.612.000 đồng là có căn cứ. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đầu tư, ông Ng bỏ tiền ra đầu tư cho ông Ph trồng mía, đến khi thu hoạch phải bán mía lại cho ông Ng theo giá đã thỏa thuận để trừ số tiền đầu tư, số mía còn lại ông Ph được quyền bán theo giá thị trường. Tuy nhiên, ông Ph không thực hiện đúng thỏa thuận, đến khi thu hoạch không bán mía cho ông Ng đủ số lượng theo thỏa thuận ban đầu, số mía còn thiếu lại tương ứng với số tiền là 131.612.000 đồng. Vì vậy, ông Ng khởi kiện yêu cầu ông Ph trả lại số tiền 131.612.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại phiên tòa, ông Ng yêu cầu bà Trần Thị Nhân phải chịu trách nhiệm liên đới với vợ chồng ông Ph trả lại số tiền trên cho ông Ng, vì trong tờ giấy nợ bà Trần Thị Nhân cũng có ký tên. Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2023 của Tòa án, bà Nh cho rằng có ký tên vào giấy nhận nợ của ông Ph, nhưng mục đích là chứng kiến việc ông Ph có thiếu nợ ông Ng chứ không phải bảo lãnh nợ.

Xét yêu cầu của ông Ng Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù trong tờ giấy nợ ngày 08/11/2013 bà Trần Thị Nhân có ký tên, nhưng theo ông Ng trình bày tại phiên tòa thì tờ giấy nợ là do ông Ng viết và đưa cho ông Ph, bà Nh ký tên. Trong giấy nhận nợ không thể hiện rõ ý chí của bà Nh là nếu ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ bà Nh sẽ đứng ra trả nợ thay cho ông Ph, Phần cuối của tờ giấy nợ có ghi người nợ ký tên là ông Trần Văn Ph, người nhận nợ là ông Nguyễn Minh Ng, trong giấy nợ không ghi ai là người bảo lãnh nợ. Đây là số nợ phát sinh từ hợp đồng đầu tư trồng mía giữa ông Ng và ông Ph, không phải số nợ của bà Nh thiếu ông Ng. Mặt khác, theo các biên bản xác minh ngày 27/10/2016 (bút lục số 39, 40) thì ông Trương Văn Buôn, ông Lâm Văn Tuấn đều khai là khi làm giấy nhận nợ bà Nh nói chỉ ký tên chứng kiến số nợ ông Ph thiếu ông Ng, chứ không có bảo lãnh trả nợ. Do đó, Tòa án không đủ cơ sở để buộc bà Nh phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Ng. Đây là số nợ do ông Ph thiếu ông Ng trong quá trình hợp tác trồng mía, nên căn cứ theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chỉ buộc vợ chồng ông Ph, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ng số tiền là 131.612.000 đồng.

Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Do ông Ng chỉ yêu cầu trả nợ gốc không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do vụ án được thụ lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên án phí được áp dụng theo Pháp lệnh về án phí, lệ phí năm 2009.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ph, bà Đỗ Thị L(Liêm) phải chịu tiền án phí là 6.580.000 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh Ng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007197 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 281, khoản 2 Điều 289, Điều 296, khoản 2 Điều 303, Điều 388 Bộ luật dân sự 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc

Hội; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Ng đối với bị đơn ông Trần Văn Ph, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L(Liêm) về việc tranh chấp kiện đòi tài sản từ hợp đồng dân sự hợp tác đầu tư trồng mía.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ph, bà Đỗ Thị L(Liêm) chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn Ph số tiền (do giao mía không đủ số lượng) còn thiếu là 131.612.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ph, bà Đỗ Thị L(Liêm) phải chịu tiền án phí là 6.580.000 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh Ng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007197 ngày 14/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh